

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Tân	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đại Hải	Thành viên
Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên
Ông Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hữu Tân	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/04/2020)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Hữu Tân - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hữu Tân

Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Số: 057 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08 tháng 3 tháng 2021 từ trang 05 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 16, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang tạm hạch toán giao dịch nhận bàn giao công trình nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành như một tài sản thuê hoạt động. Chi phí thuê tạm trích theo Công văn hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty chưa nhận được quyết định bàn giao tài sản chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

856-5
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VACO
5 HÈ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác theo báo cáo kiểm toán độc lập số 0662/VN1A-HN-BC ngày 16 tháng 03 năm 2020 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần, có đoạn nhấn mạnh về việc Công ty đang tạm hạch toán giao dịch nhận bàn giao công trình nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2020-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174.241.441.193	174.945.096.294
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.871.721.269	11.911.018.307
1. Tiền	111		5.299.428.947	3.911.018.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.572.292.322	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		99.000.000.000	100.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	99.000.000.000	100.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.149.365.280	46.431.690.963
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.398.556.163	25.825.626.649
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.240.869.608	8.618.866.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.509.939.509	11.987.198.314
IV. Hàng tồn kho	140	9	17.363.762.189	9.914.424.783
1. Hàng tồn kho	141		17.363.762.189	9.914.424.783
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.856.592.455	6.687.962.241
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	93.834.750	165.369.975
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	3.762.757.705	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	-	6.522.592.266
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		452.504.410.489	458.238.242.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.895.795.360	1.895.795.360
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.895.795.360	1.895.795.360
II. Tài sản cố định	220		433.132.016.146	367.398.831.852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	426.617.878.701	360.215.565.608
- Nguyên giá	222		690.309.681.886	598.612.748.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(263.691.803.185)	(238.397.182.612)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	6.514.137.445	7.183.266.244
- Nguyên giá	228		10.133.603.450	10.133.603.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.619.466.005)	(2.950.337.206)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.962.623.864	82.831.533.410
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	8.962.623.864	82.831.533.410
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.456.824.843	5.456.824.843
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	5.456.824.843	5.456.824.843
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.057.150.276	655.256.601
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.057.150.276	655.256.601
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		626.745.851.682	633.183.338.360

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		211.432.526.271	221.708.518.209
I. Nợ ngắn hạn	310		67.453.003.638	110.674.699.029
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.541.352.121	49.795.530.331
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		135.124.000	135.124.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.040.092.855	7.876.971.461
4. Phải trả người lao động	314		13.116.601.267	11.575.425.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		990.214.826	680.426.920
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	32.864.173.115	34.832.417.939
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	8.084.306.000	5.572.113.800
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		681.139.454	206.689.454
II. Nợ dài hạn	330		143.979.522.633	111.033.819.180
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	95.275.662.051	69.863.472.449
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	48.703.860.582	41.170.346.731
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		415.313.325.411	411.474.820.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	415.313.325.411	411.474.820.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		375.493.910.000	375.493.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		375.493.910.000	375.493.910.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.819.415.411	35.980.910.151
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		16.713.714.651	9.415.841.015
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		23.105.700.760	26.565.069.136
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		626.745.851.682	633.183.338.360



Vũ Hữu Tân
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 08 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Phương
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thu Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	185.016.900.497	148.364.718.599
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		185.016.900.497	148.364.718.599
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	136.579.251.160	111.166.173.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		48.437.649.337	37.198.545.330
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	6.854.431.109	8.014.288.585
7. Chi phí tài chính	22	23	2.883.424.696	2.095.289.991
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.883.424.696	2.095.289.991
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	13.156.819.425	10.129.207.503
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		39.251.836.325	32.988.336.421
10. Thu nhập khác	31	25	526.007.107	500.000.000
11. Chi phí khác	32	26	1.172.452.528	2.100.000
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(646.445.421)	497.900.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		38.605.390.904	33.486.236.421
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	4.018.872.844	6.697.667.285
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		34.586.518.060	26.788.569.136
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	915	694



Vũ Hữu Tân
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Phương
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thu Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.605.390.904	33.486.236.421
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	26.750.644.421	22.024.030.768
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.693.527.616)	(8.014.288.585)
- Chi phí lãi vay	06	2.883.424.696	2.095.289.991
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	62.545.932.405	49.591.268.595
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.214.979.667	(14.303.587.957)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.449.337.406)	(3.100.951.621)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	19.501.838.116	24.144.894.826
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.330.358.450)	547.966.581
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.866.575.035)	(2.148.063.952)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.697.667.285)	(9.294.268.075)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	150.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.050.000)	(791.950.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	82.900.762.012	44.795.307.851
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(58.628.776.714)	(49.208.590.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	912.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(99.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	100.000.000.000	150.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.681.611.686	9.601.120.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50.946.252.301)	9.392.529.677
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	33.895.481.395	30.039.052.055
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.849.775.344)	(82.057.133.958)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.039.512.800)	(20.464.418.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.993.806.749)	(72.482.499.999)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	11.960.702.962	(18.294.662.471)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.911.018.307	30.205.680.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	23.871.721.269	11.911.018.307



Vũ Hữu Tân
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Phương
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thu Dung
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 đồng (Bằng chữ. Ba trăm bảy mươi năm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 313 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 311 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình chuyên ngành cấp nước;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, xử lý chất thải, các công trình điện, đường dây trạm biến thế 35KV;
- Sản xuất và kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư ngành nước;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, xử lý nước thải và nước sinh hoạt;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp, môi trường nước;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất đối với công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp; và
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, khảo sát xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh nước sạch và xây dựng các công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)******Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)***

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	07 - 25

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của các tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm đối với phần mềm kế toán, từ 14 đến 20 năm đối với tài sản cố định vô hình khác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích trong tương lai. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2020 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án đầu tư nhà máy nước mặt công suất 30.000 m3/ngày đêm thuộc Quyết định chủ trương đầu tư số 668/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Long Phương	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh	Công ty liên doanh
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	146.368.704	113.046.052
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.153.060.243	3.797.972.255
Các khoản tương đương tiền (i)	18.572.292.322	8.000.000.000
Cộng	23.871.721.269	11.911.018.307

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại ngân hàng, lãi nhập gốc.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Ngắn hạn	99.000.000.000	99.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	99.000.000.000	99.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000

Ghi chú: (i) Tiền gửi tại các ngân hàng với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất giao động từ 3,9%/năm đến 7%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.456.824.843	-	-	5.456.824.843	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cấp nước Bắc Ninh (i)	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh (ii)	2.456.824.843	-	-	2.456.824.843	-	-
Cộng	5.456.824.843	-	-	5.456.824.843	-	-

Ghi chú:

- (i) Công ty TNHH Đầu tư Cấp nước Bắc Ninh là Công ty TNHH Hai thành viên, là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được thành lập theo Thỏa thuận Hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Long Phương ký ngày 15/11/2018.
- (ii) Giá gốc khoản đầu tư vào Công ty liên kết bao gồm 1.650.000.000 VND là giá mua và 806.824.843 VND là phần chênh lệch do đánh giá lại theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/10/2015 và theo Biên bản Thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp của Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh ngày 09/6/2016. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty là 20,63% trong công ty liên kết.

Thông tin Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Cấp nước Bắc Ninh	Bắc Ninh	60,00%	Đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước, quản lý vận hành hệ thống cấp thoát nước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	Bắc Ninh	20,63%	Đầu tư, xây dựng sản xuất và kinh doanh nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty liên doanh, liên kết trong năm:**

Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh chưa hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh có trụ sở tại số 98, đường Võ Thị Sáu, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh là hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh hệ thống cấp, thoát nước.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh và công ty liên kết tại ngày 31/12/2020 và ngày 01/01/2020 cần được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng sử dụng nước khu vực Bắc Ninh	18.642.150.163	17.275.083.299
Phải thu khách hàng dịch vụ xây lắp	1.756.406.000	8.550.543.350
Công ty Cổ phần Viwaseen 3	-	4.378.220.000
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ĐT.280 huyện Gia Bình	-	2.327.623.000
Các đối tượng khác	1.756.406.000	1.844.700.350
Cộng	20.398.556.163	25.825.626.649

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh	-	6.500.000.000
Công ty TNHH Long Phương (i)	3.100.000.000	1.179.580.000
Viện thủy công	600.000.000	600.000.000
Các đối tượng khác	540.869.608	339.286.000
Cộng	4.240.869.608	8.618.866.000
Trong đó, trả trước cho người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 31)	3.100.000.000	1.179.580.000

Ghi chú: (i) Trả trước chi phí thuê đường ống cấp nước tại 3 xã thuộc phường Đồng Kỵ - Đồng Nguyên - Tân Hồng theo Hợp đồng số 02/HĐKT/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a, Ngắn hạn	5.509.939.509		11.987.198.314	
Tạm ứng	310.410.000		3.215.288.000	
Ký quỹ, ký cược	-		1.725.000.000	
Phải thu khác	5.199.529.509		7.046.910.314	
<i>Lãi dự thu tiền gửi và cho vay</i>	4.459.623.532		4.286.804.109	
<i>Phải thu Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh</i>	-		165.858.127	
<i>Các đối tượng khác</i>	739.905.977		2.594.248.078	
b, Dài hạn	1.895.795.360		1.895.795.360	
Phải thu khác (i)	1.895.795.360		1.895.795.360	
Cộng	7.405.734.869		13.882.993.674	

Ghi chú: (i) Phản ánh số tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho phần đất đền bù thừa của công trình nhà máy nước Chờ - Gia Bình. Ngày 17 tháng 12 năm 2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 4859/UBND-XDCB cho phép công ty sử dụng phần đất đền bù thừa nêu trên để đầu tư xây dựng nâng cấp trạm bơm nước diện tích 500 m².

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.278.881.378	-	8.730.587.000	-
Công cụ, dụng cụ	27.623.113	-	40.145.113	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.057.257.698	-	1.143.692.670	-
<i>Công trình Cống qua đê tại K44+555 đê tả Đuống, huyện Quế Võ</i>	7.658.490.000	-	-	-
<i>Công trình khác</i>	398.767.698	-	1.143.692.670	-
Cộng	17.363.762.189	-	9.914.424.783	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	91.681.343.279	25.065.111.362	362.340.488.704	1.766.435.272	117.759.369.603	598.612.748.220
- Mua trong năm	-	1.599.000.000	2.105.159.091	1.079.909.064	-	4.784.068.155
- XDCB hoàn thành, tạm bàn giao (i)	3.550.304.040	387.537.000	8.155.871.565	-	76.616.446.794	88.710.159.399
- Thanh lý, nhượng bán	-	(62.605.299)	-	-	(1.728.539.680)	(1.791.144.979)
- Giảm khác	-	-	(6.148.909)	-	-	(6.148.909)
Số dư cuối năm	95.231.647.319	26.989.043.063	372.595.370.451	2.846.344.336	192.647.276.717	690.309.681.886
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	37.930.368.801	10.444.281.559	115.249.913.251	1.195.076.605	73.577.542.396	238.397.182.612
- Khấu hao trong năm	3.916.785.413	1.802.399.521	12.598.137.257	289.625.326	7.474.568.105	26.081.515.622
- Thanh lý, nhượng bán	-	(62.605.299)	-	-	(724.289.750)	(786.895.049)
Số dư cuối năm	41.847.154.214	12.184.075.781	127.848.050.508	1.484.701.931	80.327.820.751	263.691.803.185
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	53.750.974.478	14.620.829.803	247.090.575.453	571.358.667	44.181.827.207	360.215.565.608
Số dư cuối năm	53.384.493.105	14.804.967.282	244.747.319.943	1.361.642.405	112.319.455.966	426.617.878.701

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 14.070.349.158 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4.004.171.657 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã được đem đi thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là khoảng 108.218 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 115.007 triệu đồng).

Ghi chú:

- (i) Bao gồm giá trị tài sản hình thành từ dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Long Phương: Nhà máy nước mặt giai đoạn 2, công suất 30.000m³/ngày đêm với nguyên giá là 76.616.446.794 VND, giá trị khấu hao trong năm là 3.810.914.853 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	38.000.000	10.095.603.450	10.133.603.450
Số dư cuối năm	38.000.000	10.095.603.450	10.133.603.450
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	25.330.333	2.925.006.873	2.950.337.206
- Khấu hao trong năm	7.600.000	661.528.799	669.128.799
Số dư cuối năm	32.930.333	3.586.535.672	3.619.466.005
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	12.669.667	7.170.596.577	7.183.266.244
Số dư cuối năm	5.069.667	6.509.067.778	6.514.137.445

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trụ sở làm việc Công ty	6.001.911.255	6.001.911.255
Lắp đặt tuyến nước bổ sung Lương Tài	1.782.179.062	-
Xây bể chứa Lương Tài	-	2.878.522.403
Tuyến Xuân ô A, B, Lim	-	1.301.421.213
Xây dựng Nhà máy cấp nước GD2	-	69.454.050.601
Tuyến ống nước thô Chờ	-	1.176.561.039
Công trình khác	1.178.533.547	2.019.066.899
Cộng	8.962.623.864	82.831.533.410

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a, Ngắn hạn	93.834.750	165.369.975
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	93.834.750	165.369.975
b, Dài hạn	3.057.150.276	655.256.601
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	800.209.896	196.484.596
Chi phí sửa chữa	2.256.940.380	458.772.006
Cộng	3.150.985.026	820.626.576

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần xây dựng Bắc Ninh	1.909.262.000	1.909.262.000	-	-
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	1.166.645.040	1.166.645.040	575.345.980	575.345.980
Công ty TNHH nhựa Châu Âu Xanh	1.031.161.525	1.031.161.525	-	-
Công ty Cổ phần ĐT&XD Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	722.942.124	722.942.124	722.942.124	722.942.124
Công ty Cổ phần Viwaseen 3	-	-	40.138.904.000	40.138.904.000
Các đối tượng khác	1.711.341.432	1.711.341.432	8.358.338.227	8.358.338.227
Cộng	6.541.352.121	6.541.352.121	49.795.530.331	49.795.530.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.697.667.285	4.018.872.844	5.697.667.285	1.018.872.844
Thuế thu nhập cá nhân	-	389.816.752	349.033.678	40.783.074
Thuế tài nguyên	72.855.880	959.338.910	950.862.280	81.332.510
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	905.539.213	905.539.213	-
Các loại thuế khác	5.106.448.296	18.082.237.357	19.289.581.226	3.899.104.427
Cộng	7.876.971.461	24.355.805.076	27.192.683.682	5.040.092.855
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	6.522.592.266	2.759.834.561	-	3.762.757.705
Cộng	6.522.592.266	2.759.834.561	-	3.762.757.705

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	32.864.173.115	34.832.417.939
Kinh phí công đoàn	160.284.000	-
Phải trả khác	32.703.889.115	34.832.417.939
<i>Phí thuê vận hành nhà máy nước (i)</i>	<i>17.658.000.000</i>	<i>17.658.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Long Phương (ii)</i>	<i>3.286.800.349</i>	<i>6.085.837.000</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh</i>	<i>4.188.494.806</i>	<i>365.898.662</i>
<i>Phải trả hỗ trợ dự án (iii)</i>	<i>2.872.462.145</i>	<i>2.864.462.145</i>
<i>Phải trả đội thi công xây lắp</i>	<i>2.458.706.810</i>	<i>5.096.007.316</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>2.239.425.005</i>	<i>2.762.212.816</i>
b) Phải trả dài hạn khác	95.275.662.051	69.863.472.449
<i>Phải trả hỗ trợ dự án (iii)</i>	<i>67.303.010.304</i>	<i>69.863.472.449</i>
<i>Công ty TNHH Long Phương (iv)</i>	<i>27.972.651.747</i>	<i>-</i>
Cộng	128.139.835.166	104.695.890.388
Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 31)	36.170.889.026	7.174.677.786

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản phí thuê liên quan đến việc vận hành khai thác công trình nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh. Công ty đang tạm nhận bàn giao công trình từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh vào ngày 29/06/2017 để tiến hành quản lý vận hành theo Văn bản số 1826/UBND-XDCB ngày 12/06/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định bàn giao chính thức từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh liên quan tới công trình này. Do đó, Công ty đang hạch toán giao dịch tạm nhận bàn giao này tương tự như một giao dịch thuê hoạt động, ghi nhận tiền thuê vào giá vốn, tương ứng phải trả ngắn hạn khác theo Công văn số 1391/UBND-KTTH về việc trích kinh phí quản lý vận hành Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Là khoản lợi nhuận và khấu hao mà Liên doanh: Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh - Công ty TNHH Long Phương phải trả Công ty TNHH Long Phương theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/HĐHTKD/LP-BANIWACO ngày 28/05/2020.
- (iii) Khoản tiền Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho Công ty mượn để thực hiện các Dự án Nhà máy nước sạch. Số tiền phải trả hàng năm sẽ do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh tính toán và thông báo với Công ty bằng văn bản.
- (iv) Vốn góp hợp tác kinh doanh của Công ty TNHH Long Phương theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/HĐHTKD/LP-BANIWACO ngày 28/05/2020. Số vốn góp này sẽ được giảm dần qua các năm khi Công ty thanh toán tiền khấu hao cho Công ty TNHH Long Phương.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thì Công ty có trách nhiệm hạch toán kế toán, kê khai doanh thu chi phí của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	8.084.306.000	8.084.306.000	18.821.645.481	21.333.837.681	5.572.113.800	5.572.113.800
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	13.249.531.681	13.249.531.681	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc	-	-	13.249.531.681	13.249.531.681	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	8.084.306.000	8.084.306.000	5.572.113.800	8.084.306.000	5.572.113.800	5.572.113.800
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc	5.166.776.000	5.166.776.000	2.654.583.800	5.166.776.000	2.654.583.800	2.654.583.800
Bộ Tài chính	2.917.530.000	2.917.530.000	2.917.530.000	2.917.530.000	2.917.530.000	2.917.530.000
b) Vay dài hạn	48.703.860.582	48.703.860.582	13.112.435.863	20.645.949.714	41.170.346.731	41.170.346.731
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc	24.808.894.382	24.808.894.382	10.194.905.863	20.645.949.714	14.357.850.531	14.357.850.531
Bộ Tài chính	23.894.966.200	23.894.966.200	2.917.530.000	-	26.812.496.200	26.812.496.200
Cộng	56.788.166.582	56.788.166.582	31.934.081.344	41.979.787.395	46.742.460.531	46.742.460.531

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Số cuối năm	Số đầu năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc (i)	VND	9%-11%	2026-2027	29.975.670.382	17.012.434.331	Tài sản hình thành từ vốn vay
Bộ Tài chính (ii)	VND	3%-6%	2025-2030	26.812.496.200	29.730.026.200	Tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng				56.788.166.582	46.742.460.531	

Ghi chú:

(i) Dư nợ vay thể hiện số dư vay của các hợp đồng:

- Hợp đồng vay số 02/2016/4474024/HĐTD ngày 01/08/2016, tổng số tiền vay là 3.580.000.000 VND, mục đích vay là đầu tư các công trình mạng lưới cấp nước dịch vụ xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay là 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng margin 4%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- Hợp đồng vay số 03/2016/4474024/HĐTD ngày 01/08/2016, tổng số tiền vay là 3.094.000.000 VND, mục đích vay là đầu tư các công trình mạng lưới cấp nước dịch vụ xã Đông Cứu và xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình, thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay là 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng margin 4%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- Hợp đồng vay số 04/2016/4474024/HĐTD ngày 01/08/2016, tổng số tiền vay là 2.300.000.000 VND, mục đích vay là đầu tư các công trình mạng lưới cấp nước dịch vụ phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay là 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng margin 4%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- Hợp đồng vay số 06/2016/4474024/HĐTD ngày 09/11/2016, tổng số tiền vay là 3.412.000.000 VND, mục đích vay là đầu tư các công trình mạng lưới cấp nước dịch vụ phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay là 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng margin 4%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- Hợp đồng vay số 07/2016/4474024/HĐTD ngày 29/11/2016, tổng số tiền vay là 8.882.000.000 VND, mục đích vay là đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải cấp nước thành phố Bắc Ninh theo đường Quốc lộ 38, thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay là 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng margin 4%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- Hợp đồng vay số 01/2017/4474024/HĐTD ngày 09/03/2017, tổng số tiền vay là 4.330.000.000 VND, mục đích vay là đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải cấp nước cho các xã Đông Cứu, Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay là 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng margin 4%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/4474024/HĐTD ngày 30/12/2019, tổng số tiền vay là 23.439.000.000 VND, mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt công suất 30.000m³/ngày đêm, thời hạn vay là 07 năm. Lãi suất vay là 10,5%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng margin 4%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(ii) Vay của Bộ Tài chính theo các hợp đồng, phụ lục:

- Hiệp định vay lại ngày 16/12/2009, Bộ Tài chính đồng ý cho Công ty vay một phần khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 3.009.909 USD trong tổng mức đầu tư 68.760.070.000 VND của dự án xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Chờ, huyện Yên Phong và thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình. Khoản vay sẽ được trả trong vòng 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty được miễn lãi trong thời gian ân hạn, sau đó Công ty sẽ trả lãi Bộ Tài chính vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm bằng đồng Việt Nam, lãi suất 3%/năm dựa vào số dư nợ từng thời điểm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- Hiệp định vay phụ ngày 06/04/2006, Bộ Tài chính đồng ý cho Công ty vay một phần khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 337.500 CHF để đầu tư dự án Thí điểm thiết kế - Xây dựng - Vận hành hệ thống cấp nước tại thị trấn Lim, tỉnh Bắc Ninh. Khoản vay sẽ được trả trong vòng 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty được miễn lãi trong thời gian ân hạn, sau đó Công ty sẽ trả lãi Bộ Tài chính vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm bằng đồng Việt Nam, lãi suất 6%/năm dựa vào số dư nợ từng thời điểm. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được thanh toán theo lịch trả nợ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.084.306.000	5.572.113.800
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	33.151.161.339	21.693.054.602
Sau năm năm	15.552.699.243	19.477.292.129
Cộng	56.788.166.582	46.742.460.531
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	8.084.306.000	5.572.113.800
Số phải trả sau 12 tháng	48.703.860.582	41.170.346.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.493.910.000	30.721.399.111	406.215.309.111
Lợi nhuận trong năm	-	26.788.569.136	26.788.569.136
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 và 2018	-	(841.140.000)	(841.140.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019	-	(7.500.000)	(7.500.000)
Chia cổ tức năm 2018	-	(20.464.418.096)	(20.464.418.096)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	(216.000.000)	(216.000.000)
Số dư đầu năm nay	375.493.910.000	35.980.910.151	411.474.820.151
Lợi nhuận trong năm	-	34.586.518.060	34.586.518.060
Chia cổ tức năm 2019 và 2020 (i)	-	(30.039.512.800)	(30.039.512.800)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	(216.000.000)	(216.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019	-	(492.500.000)	(492.500.000)
Số dư cuối năm nay	375.493.910.000	39.819.415.411	415.313.325.411

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5%, tạm ứng đợt 1 là 4%, chi trả đợt 2 là 1%. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ/HĐQT-NSBN ngày 27 tháng 07 năm 2020, tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%/cổ phiếu.

Số cổ tức đã chi trả trong năm là 30.039.512.800 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 05 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	184.202.790.000	49,06%	184.202.790.000	184.202.790.000
Công ty TNHH Long Phương	131.652.450.000	35,06%	131.652.450.000	131.652.450.000
Các cổ đông khác	59.638.670.000	15,88%	59.638.670.000	59.638.670.000
Cộng	375.493.910.000	100,0%	375.493.910.000	375.493.910.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.549.391	37.549.391
- Cổ phiếu phổ thông	37.549.391	37.549.391
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.549.391	37.549.391
- Cổ phiếu phổ thông	37.549.391	37.549.391
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.549.391	37.549.391
- Cổ phiếu phổ thông	37.549.391	37.549.391
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu nước sạch	172.180.842.123	133.629.958.953
Doanh thu xây lắp	12.049.039.334	13.942.407.273
Doanh thu cho thuê tài sản	787.019.040	792.352.373
Cộng	185.016.900.497	148.364.718.599
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 31)	787.019.040	792.352.373

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn nước sạch	124.199.188.860	96.705.751.853
Giá vốn xây lắp	11.681.397.680	13.740.503.368
Giá vốn cho thuê tài sản	698.664.620	719.918.048
Cộng	136.579.251.160	111.166.173.269

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.610.491.911	7.633.218.848
Chi phí nhân công	49.226.971.318	44.835.320.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.750.644.421	22.024.030.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.982.746.698	31.521.183.307
Chi phí khác bằng tiền	19.078.781.265	3.808.684.774
Cộng	156.649.635.613	109.822.438.520

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.689.431.109	8.014.288.585
Cổ tức, lợi nhuận được chia	165.000.000	-
Cộng	6.854.431.109	8.014.288.585
Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 31)	165.000.000	49.500.000

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.883.424.696	2.095.289.991
Cộng	2.883.424.696	2.095.289.991

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.217.021.792	5.914.121.849
Chi phí khấu hao TSCĐ	147.807.008	131.050.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.716.671.390	2.414.457.707
Các khoản chi phí QLDN khác	4.075.319.235	1.669.577.022
Cộng	13.156.819.425	10.129.207.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ thu phí thoát nước	500.000.000	500.000.000
Các khoản khác	26.007.107	
Cộng	526.007.107	500.000.000

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản giếng khai thác do trám lấp giếng	1.161.816.220	-
Các khoản khác	10.636.308	2.100.000
Cộng	1.172.452.528	2.100.000

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	38.605.390.904	33.486.236.421
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(148.932.361)	2.100.000
<i>Trừ: thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(165.000.000)</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: các chi phí không được trừ</i>	<i>16.067.639</i>	<i>2.100.000</i>
Thu nhập chịu thuế	38.456.458.543	33.488.336.421
Trong đó:		
Thu nhập được miễn thuế (i)	9.750.223.944	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập thông thường	28.706.234.599	33.488.336.421
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.741.246.920	6.697.667.285
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (ii)	1.722.374.076	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.018.872.844	6.697.667.285

Ghi chú:

- (i) Khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án đầu tư nhà máy nước mặt công suất 30.000 m³/ngày đêm thuộc Quyết định chủ trương đầu tư số 668/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Công ty đang xác định khoản thu nhập trên là thu nhập từ dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2020.
- (ii) Công ty đang tự xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm là 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính như trình bày bên trên. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	34.586.518.060	26.788.569.136
Thù lao Hội đồng Quản trị	216.000.000	216.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	500.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.370.518.060	26.072.569.136
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	37.549.391	37.549.391
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	915	694
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú: (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020. Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 với số tiền 500.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2020. Do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 đã được trình bày lại. Giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 trước trình bày lại là 707.

29. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước, lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước và cho thuê tài sản. Doanh thu từ lĩnh vực xây lắp, lắp đặt và cho thuê tài sản chiếm khoảng 6,94% tổng doanh thu tương ứng với tỷ trọng nhỏ, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo hợp đồng thuê đất số 111/HĐ-TĐ ngày 25/12/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho Công ty thuê 6.264 m², thời hạn thuê từ ngày 21/6/2019 đến ngày 21/6/2069 nhằm mục đích xây dựng nhà máy nước mặt công suất 30.000 m³/ngày đêm, tiền thuê đất hàng năm thực hiện theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thuê hoạt động công trình nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh, Công ty nhận bàn giao từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh. Công ty đang tạm hạch toán chi phí thuê hàng năm theo thông báo 1391/UBND-KTTH ngày 24/4/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh (xem Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	787.019.040	792.352.373
Công ty CP ĐT&XD Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	787.019.040	792.352.373
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.014.080.000	4.500.000.000
Công ty TNHH Long Phương	2.014.080.000	4.500.000.000
Nhận cổ tức	165.000.000	49.500.000
Công ty CP ĐT&XD Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	165.000.000	49.500.000
Trả cổ tức từ hoạt động kinh doanh	25.268.419.200	10.039.052.055
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	14.736.223.200	10.039.052.055
Công ty TNHH Long Phương	10.532.196.000	-
Trả lợi nhuận từ hoạt động liên doanh	4.746.096.987	-
Công ty TNHH Long Phương	4.746.096.987	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ứng trước cho người bán	3.100.000.000	1.179.580.000
Công ty TNHH Long Phương	3.100.000.000	1.179.580.000
Phải trả khác	36.170.889.026	7.174.677.786
Công ty TNHH Long Phương	31.259.452.096	6.085.837.000
Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh	4.188.494.806	365.898.662
Công ty CP ĐT&XD Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	722.942.124	722.942.124

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.356.560.591	1.118.421.496

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tiền chi mua tài sản cố định tăng trong năm trước là 39.009.607.615 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm bao gồm 4.286.804.109 VND là thu nhập năm trước thu tiền trong năm nay và không bao gồm 4.459.623.532 VND thu nhập năm nay chưa thu tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

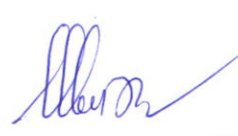
33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác



Vũ Hữu Tân
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2021


Nguyễn Thị Phương
Trưởng phòng kế toán


Nguyễn Thu Dung
Người lập biểu

